TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MÓNG CÁI** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/3/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Văn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc.

2. Ông Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Khoa là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Cao Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức Th.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 6, xã X, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị A.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn 6, xã X, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2019, ông Nguyễn Đức Th trình bày: Năm 1978, ông và bà Vũ Thị A chung sống với nhau trên cơ sở quan hệ tình cảm nam nữ, cả hai đều tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 1989 thì bà Vũ Thị A bỏ nhà đi không rõ tin tức cho đến nay. Về nguyên nhân mà bà A bỏ đi, ông cho rằng bà A bị một người em con cô ruột của ông rủ rê đi làm ăn bên Trung Quốc. Do thời điểm bà A bỏ đi, ông thường xuyên đi công tác không có mặt ở nhà nên không rõ bà A đi đâu, làm gì. Đến nay ông và các con vẫn

không biết bà A hiện ở đâu. Tháng 10/2018 ông đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tuyên bố bà Vũ Thị A mất tích. Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, ông làm đơn yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho ông được ly hôn bà Vũ Thị A.

Về con chung: Ông và bà Vũ Thị A có 02 (hai) con chung là anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Cẩm V, sinh năm 1985. Các con chung hiện đã trưởng thành và đều lập gia đình, tự lập, tự nuôi bản thân ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các khoản nợ: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự *"V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích"* số 04/2018/QĐST-TBMT ngày 03/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái đã tiến hành các thủ tục tống đạt cho bà Vũ Thị A và niêm yết Thông báo vụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định. Bị đơn bà Vũ Thị A vắng mặt tại địa phương, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái đã niêm yết các thủ tục tố tụng đối với bà Vũ Thị A theo quy định.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy: Ông Nguyễn Đức Th chung sống như vợ chồng với bà Vũ Thị A từ năm 1978, nhưng không đăng ký kết hôn. Bà Vũ Thị A đã bỏ nhà đi từ năm 1989, không rõ tung tích. Ông Th đã làm thủ tục yêu cầu tuyên bố mất tích với bà Vũ Thị A. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông Th xin ly hôn với bà A là nguyện vọng chính đáng và có cơ sở để chấp nhận.

Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật HNGĐ năm 2000 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Đức Th, xử cho ông Nguyễn Đức Th ly hôn với bà Vũ Thị A.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về khoản nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Vũ Thị A có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố Móng Cái nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị A được xác định là đã mất tích, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 54 Luật Hôn nhân gia đình, vụ án được xác định thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đức Thanh vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Vũ Thị A đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tống đạt, vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Đức Th đối với bà Vũ Thị A

[3] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1978 ông Nguyễn Đức Th và bà Vũ Thị A trên cơ sở tình yêu thương cùng chung sống với nhau, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vợ chồng chung sống đến năm 1989 thì bà Vũ Thị A bỏ nhà đi biệt tích. Trường hợp của ông Th và bà A chung sống với nhau từ trước ngày 03/01/1987 (trước khi luật HNGĐ năm 1986 có hiệu lực) là trường hợp đặc biệt được quy định tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật HNGĐ năm 2000. Điểm a khoản 3 của Nghị quyết này quy định: *"Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn"*. Tại khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội "về việc thi hành Luật HNGĐ năm 2000" đã hướng dẫn: *"trường hợp sau khi quan hệ vợ chồng được xác lập họ mới thực hiện việc đăng ký kết hôn, thì quan hệ vợ chồng của họ vẫn được công nhận kể từ ngày xác lập (ngày bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng) chứ không phải là chỉ được công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn"*. Như vậy, quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Đức Th và bà Vũ Thị A mặc dù không có đăng ký kết hôn, nhưng đã được công nhận là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm chung sống. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức Th vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn đã thể hiện: Ông giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà A,

gần 30 năm qua, bà A bỏ nhà đi không có tin tức, không có trách nhiệm với gia đình, bỏ mặc ông và các con nhiều năm qua, ông một mình nuôi dưỡng, chăm sóc hai con khôn lớn, bà A không xứng đáng là người vợ, người mẹ. Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Vũ Thị A. Hội đồng xét xử thấy bà Vũ Thị A đã bỏ đi biệt tích nhiều năm nay, đã có Quyết định của Tòa án tuyên bố mất tích, tình trạng hôn nhân giữa ông Thanh và bà Anh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Th là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Đức Th và bà Vũ Thị A có 02 (hai) con chung là anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Cẩm V, sinh năm 1985. Các con chung hiện đã trưởng thành và đều lập gia đình, tự lập, tự nuôi bản thân, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức Th không yêu cầu giải quyết. Các khoản nợ không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật HNGĐ năm 2000; Điều 51; Điều 54; khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức Th, cho ông Nguyễn Đức Th được ly hôn với bà Vũ Thị A.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và đều lập gia đình, tự lập, tự nuôi bản thân, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và khoản nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức Th phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001482 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Ông Nguyễn Đức Th đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đức Th và bà Vũ Thị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan THADS cùng cấp;
- Tòa án tỉnh QN;
- UBND xã X;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Cao Văn